**BÀI TẬP : CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG NHẤT ( CÁC NGÀNH VÀ VÙNG KINH TẾ VN)**

**Câu 1:**

Đàn trâu của nước ta (năm 2002) là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 6 triệu con | B. 4 triệu con | C. 5 triệu con | D. 3 triệu con |

**Câu 2:**

Vĩnh Tế là kênh được xây dựng để tiêu nước ra :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Sông Đồng Nai | B. Vịnh Thái Lan | C. Sông Hậu | D. Biển Đông |

**Câu 3:**

Công nghiệp của Đồng bằng sông Cửu Long sẽ có bước phát triển mới khi xây dựng xong:

 A. Tổ hợp khí - điện - đạm ở Cà Mau

 B. Tổ hợp khí - điện - đạm ở Phú Mỹ

 C. Nhà máy ximăng công suất lớn ở Kiên Giang

 D. Trung tâm cơ khí ở thành phố Cần Thơ

**Câu 4:**

Loại hình vận tải có tổng chiều dài trong cả nước ta theo thứ tự nhất, nhì, ba là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đường bộ, đường sắt, đường sông | B. Đường sông, đường sắt, đường bộ |
| C. Đường bộ, đường sông, đường sắt | D. Đường sắt, đường bộ, đường sông |

**Câu 5:**

Vùng Đông Nam Bộ có phương hướng chủ yếu gì để giữ được một nền kinh tế bền vững?

 A. Phát triển mạnh kinh tế đi đôi với khai thác hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường trên đất liền và trên biển cả. Bảo đảm chất lượng sản phẩm

 B. Phải bảo đảm chất lượng của thương hiệu

 C. Phát triển, đổi mới công nghiệp cho năng suất cao và sản phẩm được ưa chuộng trên thị trường

 D. Phát triển mạnh nền công nghiệp dầu khí

**Câu 6:**

Hai thành phố tỉnh lị của Quảng Ninh và Phú Thọ lần lượt là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Hạ Long và Việt Trì | B. Cẩm Phả và Phú Thọ |
| C. Quảng Yên và Việt Trì | D. Quảng Ninh và phú Thọ |

**Câu 7:**

Muốn đến thăm khu bảo tồn chim hồng hạc ở vùng ĐBSCL thì đi đến đâu?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đất Mũi ở Cà Mau | B. Phú Quốc ở Kiên Giang |
| C. Tràm chim ở Đồng Tháp | D. U Minh Thượng ở Rạch Giá |

**Câu 8:**

Huyện đảo thuộc vùng Đông Nam Bộ là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Vân Đồn | B. Phú Quý | C. Côn Đảo | D. Phú Quốc |

**Câu 9:**

Trọng tâm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng là:

 A. Phát triển và hiện đại hóa các ngành công nghiệp, dịch vụ

 B. Tập trung phát triển các ngành công nghệ cao.

 C. Đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp

 D. Phát triển nhanh và ổn định ngành chăn nuôi.

**Câu 10:**

Các dân tộc ít người có số dân chiếm khoảng:

|  |  |
| --- | --- |
| A. 14% dân số cả nước  | B. 20% dân số cả nước |
| C. 18% dân số cả nước | D. 16% dân số cả nước |

**Câu 11:**

Bãi biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Trà Cổ | B. Mũi Né | C. Đồ Sơn | D. Cửa Lò |

**Câu 12:**

Nhập siêu là khái niệm và kết quả của hoạt động thương mại một quốc gia đang ở trong tình trạng:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Khủng hoảng về mậu dịch | B. Cân bằng mậu dịch |
| C. Thâm hụt mậu dịch | D. Thặng dư về mậu dịch |

**Câu 13:**

Trong các ngành công nghiệp trọng điểm ở vùng Đông Nam Bộ, ngành nào có sản phẩm tiêu biểu cao so với tỉ trọng % cả nước:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Dầu thô, sơn hóa học, động cơ điêden | B. Dầu thô, động cơ điêden, bia |
| C. Dầu thô, điện sản xuất, xi măng | D. Dầu thô, quần áo, sơn hóa học |

**Câu 14:**

Độ che phủ rừng tính trung bình trên toàn quốc ở nước ta là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 35%  | B. 43%  | C. 34% | D. 37%  |

**Câu 15:**

Dựa vào kiến thức đã học, hãy cho biết tỉ lệ dân thành thị năm 2003 chiếm khoảng bao nhiêu?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 20% | B. 28% | C. 26% | D. 12% |

**Câu 16:**

Nguồn nước khoáng nằm ở Đồng bằng sông Hồng là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Mỹ Lâm | B. Vĩnh Hảo | C. Tiên Lãng | D. Sơn Kim |

**Câu 17:**

Tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Hà Tĩnh | B. Nghệ An |
| C. Thanh Hóa | D. Thừa Thiên – Huế |

**Câu 18:**

Năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng (năm 2002) đạt:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 55,2 tạ/ha | B. 45,9 tạ/ha | C. 56,4 ta/ha | D. 46,2 tạ/ha |

**Câu 19:**

Sân bay quốc tế ở Đồng bằng sông Hồng là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Liên Khương | B. Nội Bài | C. Tân Sơn Nhất | D. Cát Bi |

**Câu 20:**

Sắt, mangan, thiếc, chì, kẽm thuộc nhóm khoáng sản:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nhiên liệu | B. Vật liệu xây dựng  |
| C. Kim loại | D. Phi kim loại |